Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2129 /QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia giai đoạn 2026 - 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Kết luận số 26-KL/TW ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Bộ Chính trị về phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2026 - 2035;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Ban Chỉ đạo PTDS Quốc gia;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục: NC, CN, KTTH, CTTCP;
- Lưu: VT, NN (2).11

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Phòng, chống thiên tai quốc gia giai đoạn 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 2129/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm tự nhiên

Việt Nam nằm trong vùng nhiệt đới, gió mùa, trải dài trên 15 vĩ độ Bắc; diện tích đất liền khoảng 331.212 km^2; có hệ thống sông, suối dày đặc (khoảng 2.360 sông, suối có chiều dài từ 10 km trở lên, các hệ thống sông lớn đều thuộc sông liên quốc gia với phần lớn lưu vực nằm trên lãnh thổ nước khác); chế độ dòng chảy được phân thành hai mùa rõ rệt (mùa lũ và mùa kiệt); bờ biển dài trên 3.260 km, chia cắt bởi 114 cửa sông đổ ra biển. Với địa hình đa dạng, cùng những đặc điểm về khí hậu, ngoài những thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội, nước ta thường xuyên phải chịu tác động của nhiều loại hình thiên tai, đặc biệt là bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn,...

2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Giai đoạn 2021 - 2025, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức khá cao so với khu vực và thế giới, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 6,2%/năm, trong đó năm 2025 tăng 8,02%. Quy mô GDP từ 346,6 tỉ USD năm 2020, xếp thứ 37 trên thế giới, tăng lên trên 514 tỉ USD năm 2025, gấp 1,48 lần so với năm 2020, xếp thứ 32 thế giới và thứ 4 trong khu vực ASEAN; GDP bình quân đầu người gấp 1,4 lần, tăng từ 3.552 USD lên khoảng 5.026 USD. Thu nhập quốc dân (GNI) bình quân đầu người tăng từ 3.400 USD năm 2020 lên 4.750 USD năm 2025. Các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế 5 năm 2026 - 2030 được xác định đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân từ 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD[1].

[1] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng

Theo thống kê năm 2025, dân số Việt Nam ước tính là 102,3 triệu người, là quốc gia đông dân thứ ba trong khu vực Đông Nam Á (sau Indonesia và Philippines) và thứ 16 trên thế giới. Kể từ năm 2019 đến nay, quy mô dân số Việt Nam tăng thêm 5,9 triệu người. Sự gia tăng dân số, tốc độ đô thị hoá và tăng trưởng kinh tế nhanh đã gia tăng việc khai thác tài nguyên quá mức và suy thoái môi trường. Trước áp lực phát triển kinh tế đã xuất hiện hiện tượng lấn chiếm dòng chảy, chiếm dụng các khu vực cửa sông, ven biển, ven suối; khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép; chặt phá rừng, đốt rừng, đặc biệt là chưa thực hiện nghiêm túc việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội là những nguyên nhân làm gia tăng rủi ro thiên tai.

3. Tình hình thiên tai

Những năm qua, thiên tai ngày càng diễn biến khốc liệt, khó lường cả về chu kỳ lặp lại và mức độ nguy hiểm. Theo số liệu thống kê, trong vòng 5 năm gần đây (2021 - 2025) đã xuất hiện 21/22 loại hình thiên tai, với tổng số 6.088 trận thiên tai, bao gồm bão mạnh, siêu bão, mưa đặc biệt lớn, mưa đá, ngập lụt trên diện rộng, lũ lịch sử, lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn,... điển hình là:

- Bão: Bão mạnh, siêu bão diễn biến ngày càng phức tạp, cực đoan; giai đoạn 2021 - 2025 có 61 cơn bão và áp thấp nhiệt đới, trong đó đặc biệt là bão số 9 (siêu bão Rai) năm 2021 với gió cấp 15, giật cấp 17 (trên biển), rủi ro thiên tai cấp 4, được đánh giá là cơn bão có cường độ mạnh nhất trong 40 năm qua; bão số 3 (Yagi) năm 2024 với gió cấp 17 (trên biển), là cơn bão mạnh nhất trong 30 năm trên Biển Đông và trong 70 năm qua trên đất liền với nhiều đặc điểm chưa có tiền lệ như cường độ bão tăng rất nhanh, thời gian lưu bão trên đất liền kéo dài 12 giờ; hoàn lưu bão gây mưa lớn trên diện rộng ở Bắc Bộ và Thanh Hóa.

- Mưa lớn xảy ra thường xuyên gây lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng: năm 2024, mưa lớn trên diện rộng do ảnh hưởng của bão số 3 (Yagi) đã gây lũ lớn trên các sông thuộc Bắc Bộ và Thanh Hóa (hầu hết các sông vượt báo động 3), trong đó lũ lịch sử xuất hiện trên 07 tuyến sông (sông Thao, sông Đáy, sông Cầu, sông Ninh Cơ, sông Kinh Môn, sông Gùa, sông Trà Lý); tại Hà Nội cũng ghi nhận mực nước sông Hồng cao nhất trong 20 năm gần đây; sạt lở đất, lũ quét tại hầu hết các tỉnh miền núi và trung du Bắc Bộ, nhất là tại Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng,...; năm 2025, từ ngày 22/10 - 03/11/2025 mưa lớn vượt mức lịch sử xảy ra tại các tỉnh miền Trung, trong đó Huế mưa đặc biệt lớn từ 1.200 - 2.200 mm, có trạm trên 6.000 mm (trong ngày 27/10 đã có mưa đặc biệt lớn tại đỉnh Bạch Mã 1.740 mm - đây là lượng mưa 01 ngày lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam theo thống kê của Tổ chức khí tượng thế giới),

Đà Nẵng từ 800 - 1.600 mm, Quảng Ngãi từ 700 - 1.400 mm, Quảng Trị từ 600 - 1.200 mm. Đợt mưa lớn diện rộng do ảnh hưởng của bão số 11 (đầu tháng 10/2025) đã gây ra đợt lũ đặc biệt lớn trên hệ thống sông thuộc Bắc Bộ, lũ trên sông Cầu, sông Thương, sông Cà Lồ đã vượt mức lũ lịch sử và đã gây ra rất nhiều sự cố đê điều nghiêm trọng, các tuyến đê sông Cầu, sông Thương đã phải tổ chức chống tràn ở mức rất cao, trên phạm vi gần như toàn tuyến.

- Sạt lở bờ sông, bờ biển: Những năm qua, tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển có diễn biến rất phức tạp và có xu thế ngày càng gia tăng, nhất là các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long. Theo báo cáo của các địa phương, trên phạm vi cả nước hiện có 3.911 điểm bờ sông, bờ biển bị sạt lở với tổng chiều dài trên 2.664 km. Trong đó có 52 điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm (sạt lở ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn đê biển, đê bao, khu tập trung dân cư và cơ sở hạ tầng quan trọng) với tổng chiều dài trên 139 km (sạt lở bờ sông 35 điểm/45 km; sạt lở bờ biển 17 điểm/94 km); sạt lở nguy hiểm và sạt lở bình thường 3.859 điểm/2.525 km, uy hiếp nghiêm trọng tính mạng, tài sản của Nhân dân và Nhà nước.

- Hạn hán, xâm nhập mặn: Thường xuyên xuất hiện trên diện rộng, đặc biệt là tại đồng bằng sông Cửu Long, tiếp theo các đợt hạn mặn lịch sử 2015 - 2016 và 2019 - 2020, mùa khô năm 2023 - 2024 đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục ghi nhận xâm nhập mặn cao hơn trung bình nhiều năm, trong đó ranh mặn 4g/l trên sông Vàm Cỏ đã vào sâu 55 - 60 km; trên sông Cửu Long 35 - 45 km và trên sông Cái Lớn 25 - 30 km ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh hoạt và sản xuất của người dân, nhất là sản xuất nông nghiệp.

- Ngoài ra, nắng nóng gay gắt, rét đậm, rét hại, dông, lốc, sét, mưa đá cũng thường xuyên xuất hiện.

Đây là thách thức to lớn đối với công tác phòng, chống thiên tai của các cấp, các ngành trên phạm vi cả nước.

4. Các loại hình thiên tai nguy hiểm cần phải tập trung phòng, chống

Triển khai thực hiện phòng, chống có hiệu quả với các loại hình thiên tai, trong đó tập trung vào các loại hình thiên tai sau:

- Bão mạnh, siêu bão.

- Lũ, ngập lụt.

- Lũ quét, sạt lở đất.

- Sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Hạn hán, xâm nhập mặn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xác định những nhiệm vụ chủ yếu trong công tác phòng, chống thiên tai cần tiếp tục tập trung thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030 nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế - xã hội, góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai, đảm bảo đồng bộ, thống nhất.

b) Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức về thiên tai, phấn đấu 100% chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức và hộ gia đình được tiếp nhận đầy đủ thông tin và hiểu biết kỹ năng phòng, tránh thiên tai.

c) Kiện toàn tổ chức, lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, được đào tạo, tập huấn, trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả; được trang bị phương tiện, thiết bị phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tiên tiến, hiện đại ngang tầm với các quốc gia hàng đầu trong khu vực.

d) Hiện đại hóa năng lực theo dõi, giám sát, dự báo, cảnh báo thiên tai ngang tầm với các quốc gia hàng đầu trong khu vực; phấn đấu tự động hóa trên 95% đối với các trạm khí tượng, trạm đo mực nước, đo mưa, đo gió trên cao và trên 40% đối với các trạm đo lưu lượng; dự báo đủ độ tin cậy trước 2 - 3 ngày đối với áp thấp nhiệt đới, trước 3 - 5 ngày đối với bão, trước 2 - 3 ngày đối với lũ trên các hệ thống sông lớn ở Bắc Bộ, trước 1 - 2 ngày đối với lũ trên các hệ thống sông lớn ở Trung Bộ và trước 10 ngày đối với lũ trên các hệ thống sông lớn ở Nam Bộ; phấn đấu 100% khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất được rà soát, cập nhật, xác định trên bản đồ cảnh báo, 100% các khu vực trọng điểm, xung yếu phòng, chống thiên tai được lắp đặt hệ thống theo dõi, giám sát; 100% tàu cá đánh bắt vùng khơi và vùng lộng được lắp đặt hệ thống giám sát, bảo đảm thông tin liên lạc.

đ) Bảo đảm đầy đủ, chính xác, đồng bộ, liên thông, theo thời gian thực đối với hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai.

e) Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai, ưu tiên đầu tư công trình kết hợp đa mục tiêu, liên vùng, liên ngành đảm bảo an toàn theo mức thiết kế, chủ động ứng phó với tình huống thiên tai vượt mức thiết kế, nhất là hệ thống đê điều, hồ đập, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão,

công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn tạo điều kiện phát triển bền vững kinh tế, xã hội và góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng.

III. NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP

Nội dung và biện pháp của Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 tập trung giải quyết các nhiệm vụ mang tính tổng thể, phạm vi ảnh hưởng rộng, liên ngành, liên vùng, liên tỉnh; các dự án có quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp, có tính chất liên vùng, liên tỉnh hoặc vượt quá khả năng cân đối, bố trí nguồn lực của địa phương.

1. Nội dung và biện pháp tổng thể

a) Rà soát, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách về phòng, chống thiên tai

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai và các quy định liên quan đến phòng, chống thiên tai trong văn bản quy phạm pháp luật khác theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 185/NQ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2026 về Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Kết luận số 17-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 64/KH-UBTVQH16 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi, tạo môi trường pháp lý đầy đủ, đáp ứng yêu cầu cho hoạt động liên tục, thông suốt, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả trong công tác phòng, chống thiên tai, nhất là xử lý các nhiệm vụ khẩn cấp liên quan đến ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp với điều kiện tự nhiên; ứng dụng mô hình nông - thuỷ sản thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi giống, phương thức canh tác nuôi trồng thuỷ sản, cây trồng ít sử dụng nước, phù hợp với các vùng sinh thái, nâng cao hiệu quả sản xuất; bảo vệ, nâng cao chất lượng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ đầu nguồn gắn với quản lý, khai thác tín chỉ các-bon và các nguồn lợi từ rừng.

- Xây dựng chính sách phù hợp để khuyến khích, thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách, đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển; trồng, khôi phục rừng ngập mặn ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn; xây dựng, cải tạo hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất; khai thác hiệu quả các nguồn lực bổ sung như bán tín chỉ các-bon và các nguồn lực hợp pháp khác.

b) Nâng cao nhận thức về thiên tai, tăng cường quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai và liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai; quản lý lòng, bờ, bãi sông, khai thác công trình phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí

hậu thông qua các cơ quan thông tin và truyền thông, các phương tiện thông tin đại chúng khác với hình thức phù hợp nhằm nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền và người dân.

- Hướng dẫn, phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng, chống thiên tai, nhất là kỹ năng nhận biết, ứng phó khi xảy ra tình huống thiên tai lớn, phức tạp như bão mạnh, siêu bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển cho các cấp chính quyền, người dân và tổ chức, doanh nghiệp để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống, giảm nhẹ thiệt hại.

- Đẩy mạnh thông tin truyền thông, chia sẻ thông tin, dữ liệu, tổ chức các hoạt động nâng cao hiệu quả truyền thông trong phòng, chống thiên tai; kết hợp giữa phương thức truyền thống với ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo và lồng ghép vào các hoạt động cộng đồng, phù hợp với từng đối tượng để truyền tải thông tin chính xác, kịp thời về thiên tai, rủi ro thiên tai tới người dân, chú trọng các đối tượng dễ bị tổn thương.

- Tiếp tục đưa kiến thức phòng, chống thiên tai vào chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa của một số cấp học, bậc học; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực tại cộng đồng.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, trong đó tập trung vào nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai, xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai ở từng cộng đồng cấp xã, thôn, bản.

c) Tăng cường công tác quản lý và nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp, các ngành theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đảm bảo tính thống nhất, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước và năng lực chỉ đạo, điều hành về phòng, chống thiên tai từ trung ương đến địa phương.

- Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia các hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; thu hút hình thành đội ngũ chuyên gia sâu thực hiện việc chuyển giao, ứng dụng khoa học, công nghệ trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Phân công, phân cấp, phân quyền, xây dựng cơ chế phối hợp cụ thể giữa các cơ quan, lực lượng, đảm bảo công tác chỉ đạo phòng, chống thiên tai kịp thời, thống nhất, hiệu quả.

- Tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý đê điều, phòng, chống thiên tai, trong đó tập trung ngăn chặn, xử lý, khắc phục kịp thời tình trạng lấn chiếm lòng sông, bãi sông, bạt sườn dốc để xây dựng công trình, nhà ở làm gia tăng nguy cơ lũ quét, sạt lở đất mà không

có biện pháp giảm thiểu rủi ro, khai thác trái phép tài nguyên, khoáng sản; giải tỏa, thanh thải vật cản, xử lý vi phạm lấn chiếm bãi sông, lòng sông, phạm vi bảo vệ đê điều để đảm bảo thoát lũ; quản lý vùng ngập nước tự nhiên để tăng khả năng điều tiết nước; kiểm soát chặt chẽ việc khai thác nước dưới đất, các hoạt động làm suy giảm nguồn nước ngọt, gia tăng xâm nhập mặn, nhất là trên các tuyến kênh, rạch vùng đồng bằng sông Cửu Long; quản lý, bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ thích ứng với điều kiện tự nhiên, đặc điểm thiên tai và nguồn nước từng vùng.

- Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ, trong đó phải ưu tiên dành dung tích hữu ích của hồ chứa để cắt lũ cho hạ du kết hợp nâng cao năng lực, hiệu quả của công trình đầu mối, hệ thống kênh mương thủy lợi, công trình tích trữ nước, dẫn chuyển nước.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo phục vụ hoạt động của cơ quan tham mưu chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp.

- Cập nhật, bổ sung hiện đại hoá hệ thống cơ sở dữ liệu về phòng, chống thiên tai, trong đó tập trung hoàn thiện các dữ liệu mô phỏng đối với lũ, ngập lụt, xâm nhập mặn, lũ quét, sạt lở đất, hệ thống thông tin quản lý nghề cá trên biển phục vụ công tác tham mưu chỉ đạo điều hành, hỗ trợ ra quyết định phòng, chống thiên tai. Cung cấp, chia sẻ hệ thống cơ sở dữ liệu thiên tai đảm bảo liên thông, sử dụng hiệu quả giữa các bộ, ngành, địa phương.

- Tổ chức tập huấn, diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy điều hành và sự phối hợp giữa các lực lượng phòng, chống thiên tai trong công tác ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

d) Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai

- Xây dựng, rà soát phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo rủi ro thiên tai, nhất là bão mạnh, siêu bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn.

- Nâng cấp, bổ sung, hiện đại hóa trang thiết bị, công nghệ theo dõi, phân tích, dự báo, cảnh báo thiên tai thuộc hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng, nhất là khu vực miền núi, ven biển miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại, trí tuệ nhân tạo trong công tác dự báo, cảnh báo thiên tai theo hướng chuyển từ dự báo hiện tượng sang dự báo tác động; phát triển công nghệ dự báo số, công nghệ dự báo định lượng mưa và công nghệ dự báo lũ phục vụ vận hành hồ chứa và phòng, chống lũ, ngập lụt.

đ) Điều tra cơ bản và rà soát, điều chỉnh quy hoạch, phương án ứng phó thiên tai

- Điều tra cơ bản

+ Điều tra, đánh giá về hiện trạng, năng lực công trình phòng, chống thiên tai và các công trình liên quan đến phòng, chống thiên tai; các hoạt động phát triển kinh tế làm gia tăng rủi ro thiên tai; hiện trạng hệ thống thông tin, quan trắc, giám sát thiên tai; sạt lở bờ sông, bờ biển; diễn biến lòng dẫn; rừng ngập mặn; dân cư vùng có nguy cơ cao xảy ra thiên tai.

+ Điều tra, đánh giá thực trạng và các yếu tố tác động gây sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch

+ Rà soát, bổ sung các nội dung liên quan đến phòng, chống thiên tai, trong đó chú trọng sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lấn biển vào hệ thống quy hoạch cấp quốc gia (quy hoạch tổng thể quốc gia; quy hoạch không gian biển quốc gia; quy hoạch sử dụng đất quốc gia), quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, quy hoạch tổng thể đô thị và nông thôn, quy hoạch ngành (quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; quy hoạch lâm nghiệp; quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; quy hoạch bảo vệ môi trường; quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn; quy hoạch tài nguyên nước, thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai), quy hoạch chi tiết ngành (quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thuỷ lợi lưu vực sông Cửu Long, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, quy hoạch tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long) để điều chỉnh phù hợp.

+ Xây dựng, rà soát quy hoạch chi tiết ngành, trong đó tập trung quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của các tuyến sông có đê (quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê hệ thống sông Đáy, sông Hoàng Long; quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê hệ thống sông Mã, sông Cả; quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê khu vực từ Quảng Trị đến Lâm Đồng; quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê khu vực Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long; quy hoạch tổng hợp các lưu vực sông (sông Kon - Hà Thanh; sông Trà Khúc), quy hoạch thủy lợi lưu vực sông (sông Vu Gia - Thu Bồn; sông Đồng Nai).

- Phương án ứng phó thiên tai

Rà soát, cập nhật, bổ sung phương án ứng phó thiên tai tại các cấp, các ngành phù hợp với tính chất, mức độ rủi ro thiên tai theo phương châm "4 tại chỗ", bảo đảm tính khả thi trong quá trình ứng phó, trong đó chú trọng phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn.

e) Khoa học công nghệ

- Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, tích hợp trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số trong quản lý rủi ro thiên tai; dự báo, cảnh báo, giám sát thiên tai; hỗ trợ điều tra, đánh giá tác động của thiên tai đến phát triển kinh tế-xã hội và tác động của phát triển kinh tế - xã hội đến gia tăng rủi ro thiên tai; xây dựng cơ chế chính sách, ra quyết định đầu tư xây dựng công trình phòng, chống thiên tai; điều tiết, vận hành theo thời gian thực công trình phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai.

- Tổ chức nghiên cứu, sử dụng vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường; ứng dụng công nghệ viễn thám, thiết bị bay không người lái,... trong phòng, chống thiên tai. Nghiên cứu xây dựng công trình kiểm soát mặn tại các cửa sông.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ xây dựng, rà soát hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai.

- Nghiên cứu giống cây trồng, vật nuôi, thủy, hải sản, phương thức canh tác, nuôi trồng hiện đại, phù hợp với điều kiện tự nhiên, tiết kiệm nguồn nước nâng cao chất lượng, hiệu quả, giảm phát thải.

g) Hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác với các quốc gia, các tổ chức quốc tế và đối tác phát triển trong việc chia sẻ thông tin, số liệu quan trắc khí tượng, thủy văn, tài nguyên nước; quy hoạch, xây dựng, vận hành về các công trình khai thác, sử dụng nước; thông tin, dữ liệu và kinh nghiệm trong cảnh báo, dự báo, phòng, chống thiên tai.

- Thiết lập và tăng cường các cơ chế hợp tác, giải quyết mâu thuẫn, xung đột tài nguyên nước liên quốc gia đảm bảo nguyên tắc công bằng, hợp lý, hài hoà lợi ích của các quốc gia, phù hợp với các Điều ước, thông lệ quốc tế.

- Tham gia diễn tập ứng phó thiên tai, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai với các nước trong khu vực; trao đổi thông tin, tập huấn, diễn tập, ứng phó thiên tai với các quốc gia trong khối ASEAN.

- Triển khai thực hiện đầy đủ, có trách nhiệm các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế đã ký kết; duy trì hợp tác, chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu; phối hợp trong các hoạt động tìm kiếm cứu nạn.

h) Đầu tư xây dựng, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai

Đầu tư xây dựng, củng cố, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, trong đó tập trung:

- Phòng, chống áp thấp nhiệt đới, bão, bão mạnh, siêu bão: xây dựng, tu bổ, củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển, đê cửa sông, kè biển, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp với dịch vụ hậu cần nghề cá; trồng và khôi phục rừng ngập mặn.

- Phòng, chống lũ, ngập lụt: tu bổ, củng cố, nâng cấp hệ thống đê sông để phòng, chống lũ, nhất là các tuyến đê từ cấp III đến cấp đặc biệt; xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình hồ đập, chống ngập úng; nạo vét các sông, kênh trục để tăng cường khả năng thoát lũ; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn.

- Phòng, chống lũ quét, sạt lở đất: xây dựng các công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất, trong đó ưu tiên những khu vực diễn biến phức tạp, phạm vi rộng; cải tạo, nâng cấp các công trình và thanh thải vật cản trên sông, suối để tăng cường khả năng thoát lũ.

- Phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển: xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, trong đó tập trung thực hiện tại các khu vực sạt lở phức tạp trên các tuyến sông chính và các khu vực bờ biển sạt lở nghiêm trọng phù hợp với yêu cầu trước mắt, đồng thời đảm bảo căn cơ lâu dài; thực hiện các dự án trồng và khôi phục rừng ngập mặn ven biển.

- Phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn: xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước kết hợp đa mục tiêu; hệ thống công trình chuyển nước, cấp nước tập trung phục vụ sản xuất và sinh hoạt; hệ thống đê biển, đê cửa sông; công trình kiểm soát mặn tại các cửa sông; nạo vét hệ thống sông, kênh trục vùng cửa sông, ven biển, tăng cường khả năng tiêu thoát mặn kết hợp trữ nước phục vụ chống hạn trong mùa khô; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ quản lý, phát triển rừng phòng hộ và rừng ngập mặn ven biển.

2. Nội dung, biện pháp phòng, chống đối với các loại hình thiên tai chủ yếu

a) Nội dung, biện pháp cơ bản phòng, chống bão mạnh, siêu bão

Chủ động phòng, tránh bão mạnh, siêu bão, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung, biện pháp cơ bản như sau:

- Quản lý chặt chẽ việc xây dựng nhà ở, cơ sở hạ tầng, đặc biệt là khu dân cư, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng ở cửa sông, ven biển; hướng dẫn xây dựng nhà ở, công trình kết hợp sơ tán dân đảm bảo an toàn trước thiên tai, chú trọng phòng, chống bão mạnh, siêu bão; thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo, gia đình chính sách xây dựng nhà ở phòng tránh bão.

- Chủ động rà soát, sắp xếp, di dời các hộ dân đang sinh sống tại khu vực cửa sông, ven biển đảm bảo an toàn; bảo vệ, khôi phục và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ ven biển, bảo tồn cồn cát tự nhiên ven biển.

- Phân vùng rủi ro do bão mạnh, siêu bão; rà soát, cập nhật bản đồ ngập lụt nước biển dâng, bản đồ sơ tán dân, phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Tổ chức diễn tập triển khai phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão, đặc biệt là sơ tán dân, bảo vệ cơ sở hạ tầng và khắc phục hậu quả khi xảy ra bão mạnh, siêu bão.

- Xây dựng, tu bổ, củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển, kè biển, khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, hạ tầng cơ sở hậu cần nghề cá và cơ sở hạ tầng kết hợp sơ tán dân.

- Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo diễn biến bão mạnh, siêu bão; cập nhật, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin dự báo, cảnh báo đến các cấp chính quyền và người dân để chủ động phòng, tránh; tổ chức kiểm đếm, hướng dẫn neo đậu hoặc di chuyển tàu thuyền, phương tiện nuôi trồng thủy, hải sản đến nơi an toàn.

- Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn đối với công trình phòng, chống thiên tai, nhà ở, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, cơ sở kinh tế, cơ sở hạ tầng thông tin, truyền thông, công trình an ninh, quốc phòng; bảo đảm thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống bão mạnh, siêu bão; chủ động triển khai phương án di dời dân cư đến nơi an toàn; bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ sản xuất, tài sản của Nhà nước và Nhân dân khu vực bị ảnh hưởng trực tiếp bởi bão mạnh, siêu bão.

- Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước uống, nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân. Tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại, huy động các nguồn lực để khắc phục hậu quả do bão mạnh, siêu bão gây ra.

b) Nội dung, biện pháp cơ bản quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông

Chủ động phòng, chống lũ, ngập lụt lưu vực sông theo mức thiết kế, phấn đấu phòng, chống ở mức cao hơn, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung, biện pháp cơ bản như sau:

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ thích ứng với điều kiện tự nhiên và đặc điểm lũ, ngập lụt của từng lưu vực sông.

- Quản lý việc khai thác, sử dụng lòng, bờ, bãi sông, khai thác cát, sỏi lòng sông, thanh thải vật cản bảo đảm không gian trữ, thoát lũ; hướng dẫn xây dựng nhà ở, công trình kết hợp sơ tán dân đảm bảo an toàn trước lũ, ngập lụt.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo, gia đình chính sách xây dựng nhà ở phòng, chống lũ, ngập lụt; chủ động rà soát, sắp xếp, di dời dân cư, cơ sở hạ tầng khu vực ven sông, suối, kênh, rạch không phù hợp với quy hoạch; bảo vệ, nâng cao chất lượng rừng phòng hộ đầu nguồn.

- Phân vùng rủi ro do lũ, ngập lụt; xây dựng, rà soát, cập nhật bản đồ ngập lụt hạ du các hồ chứa, phương án ứng phó với các tình huống khẩn cấp về lũ, ngập lụt phù hợp với điều kiện tự nhiên lưu vực sông và của từng địa phương. Tổ chức diễn tập phương án ứng phó với các tình huống khẩn cấp về lũ, ngập lụt, trong đó chú trọng đảm bảo an toàn đê điều, dân cư vùng ven sông.

- Rà soát, điều chỉnh các quy trình vận hành liên hồ, đơn hồ chứa thủy điện, thủy lợi, trong đó phải ưu tiên dành dung tích hữu ích để cắt lũ cho hạ du. Vận hành hồ chứa nước đảm bảo an toàn công trình và hiệu quả cắt lũ.

- Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê sông, nhất là các tuyến đê từ cấp III đến cấp đặc biệt, các hồ chứa nước, công trình chống ngập úng; nạo vét các sông, kênh, rạch, mở rộng khẩu độ thoát lũ đối với các công trình giao thông để tăng cường khả năng thoát lũ.

- Nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo lũ, ngập lụt; kịp thời cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo đến các cấp chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp và người dân để chủ động triển khai các biện pháp ứng phó.

- Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn đối với người, phương tiện, công trình phòng, chống thiên tai, cơ sở hạ tầng quan trọng, cơ sở kinh tế và công trình an ninh, quốc phòng; bảo vệ sản xuất, bảo đảm giao thông, thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống lũ, ngập lụt; bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ tài sản của Nhà nước và Nhân dân khu vực bị ảnh hưởng bởi lũ, ngập lụt.

- Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước uống, nhu yếu phẩm thiết yếu khác tại các khu vực bị chia cắt, khu vực bị ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán dân. Tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại do lũ, ngập lụt; huy động các nguồn lực để khắc phục hậu quả do lũ, ngập lụt gây ra.

c) Nội dung, biện pháp cơ bản phòng, chống lũ quét, sạt lở đất

Chủ động phòng, chống lũ quét, sạt lở đất, trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung, biện pháp cơ bản như sau:

- Quản lý chặt chẽ, khắc phục tình trạng xây dựng nhà ở, cơ sở hạ tầng và các hoạt động lấn chiếm lòng sông, suối, bạt sườn dốc để xây dựng công trình, nhà ở làm gia tăng nguy cơ lũ quét, sạt lở đất mà không có biện pháp giảm thiểu rủi ro, khai thác trái phép tài nguyên, khoáng sản làm gia tăng rủi ro thiên tai tại khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất.

- Thanh thải vật cản và mở rộng khẩu độ thoát lũ của các công trình qua sông, suối đảm bảo khả năng thoát lũ; chủ động rà soát, sắp xếp, di dời các hộ dân đang sinh sống tại các khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao đến nơi an

toàn, gắn với tập quán và bảo đảm sinh kế của người dân; bảo vệ, nâng cao chất lượng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng, có kế hoạch trồng và khai thác phù hợp đối với rừng sản xuất, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.

- Rà soát, cập nhật, hoàn thiện bản đồ phân vùng nguy cơ, phân vùng rủi ro do lũ quét, sạt lở đất; xây dựng, rà soát, diễn tập và triển khai phương án ứng phó với lũ quét, sạt lở đất, đặc biệt là chính sách "tạm cư", sơ tán dân cư khẩn cấp và khắc phục hậu quả theo phương châm "4 tại chỗ".

- Xây dựng các công trình phòng, chống lũ quét, sạt lở đất (đập chắn bùn đá; gia cố, ổn định mái dốc; tiêu thoát nước mặt - nước ngầm; cơ sở hạ tầng dự báo, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất,...), trong đó ưu tiên những khu vực có nguy cơ cao, khu dân cư tập trung và cơ sở hạ tầng quan trọng.

- Cảnh báo sớm lũ quét, sạt lở đất, nhất là khu vực có nguy cơ cao; nâng cấp, bổ sung, hiện đại hóa trang thiết bị các trạm đo mưa, trạm quan trắc thủy văn, cảm biến độ ẩm đất, hệ thống truyền tin tự động và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, công nghệ viễn thám, ảnh vệ tinh trong dự báo, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất.

- Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước uống, nhu yếu phẩm thiết yếu khác cho các đối tượng bị ảnh hưởng do lũ quét, sạt lở đất. Tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại và huy động các nguồn lực để khắc phục hậu quả do lũ quét, sạt lở đất gây ra.

d) Nội dung, biện pháp cơ bản phòng, chống sạt lở bờ sông do mưa lũ hoặc dòng chảy, sạt lở bờ biển

Tập trung chỉ đạo thực hiện các nội dung, biện pháp cơ bản như sau:

- Tăng cường quản lý, ngăn chặn kịp thời việc xây dựng, nâng cấp nhà ở, công trình ven sông, ven biển, khai thác cát, sỏi trái phép lòng sông và ven biển.

- Chủ động rà soát, sắp xếp, di dời dân cư, cơ sở hạ tầng tại các khu vực nguy hiểm đến nơi an toàn, ưu tiên thực hiện tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở; bảo vệ, khôi phục và nâng cao chất lượng rừng, nhất là rừng ngập mặn ven biển.

- Đánh giá rủi ro, lập bản đồ cảnh báo rủi ro sạt lở bờ sông, bờ biển; nâng cao năng lực quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Xây dựng các công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, trong đó ưu tiên tại những khu vực có diễn biến sạt lở phức tạp uy hiếp nghiêm trọng nhà ở, cơ sở hạ tầng quan trọng không thể di dời, các khu vực sạt lở bờ biển Đông, bờ biển Tây vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Tổng hợp, đánh giá diễn biến, phân loại sạt lở bờ sông, bờ biển làm cơ sở để chỉ đạo, chỉ huy triển khai các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả do sạt lở bờ sông, bờ biển gây ra.

- Tổ chức theo dõi, cắm biển cảnh báo, di dời khẩn cấp người, tài sản ra khỏi khu vực sạt lở và khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở; khoanh vùng, ngăn không cho người, phương tiện vào khu vực sạt lở để đảm bảo an toàn.

- Tổ chức lập, phê duyệt và triển khai phương án xử lý khẩn cấp sạt lở bờ sông, bờ biển; huy động các nguồn lực hợp pháp theo quy định để đầu tư xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của Nhân dân và Nhà nước.

đ) Nội dung, biện pháp cơ bản phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn

Chủ động phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, trong đó tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp cơ bản như sau:

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ thích ứng với điều kiện tự nhiên từng vùng và diễn biến nguồn nước, hạn hán, xâm nhập mặn.

- Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động làm suy giảm nguồn nước ngọt và làm gia tăng xâm nhập mặn; bảo vệ, khôi phục và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng ngập mặn ven biển và các hệ sinh thái tự nhiên có vai trò điều hòa nguồn nước.

- Rà soát, đánh giá phân vùng rủi ro hạn hán, xâm nhập mặn; lập bản đồ cảnh báo rủi ro hạn hán, xâm nhập mặn; xây dựng, rà soát, điều chỉnh kế hoạch, phương án sử dụng nước phù hợp với diễn biến hạn hán, xâm nhập mặn và điều kiện thực tiễn từng vùng, từng khu vực.

- Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa nước kết hợp đa mục tiêu, hồ chứa nước phân tán, công trình chuyển nước, cấp nước tập trung phục vụ sản xuất và sinh hoạt, công trình kiểm soát mặn, giữ ngọt tại các cửa sông, nạo vét hệ thống kênh, rạch, hồ chứa nước bị bồi lắng để tăng khả năng trữ nước, trong đó ưu tiên đối với các vùng khó khăn về nguồn nước, vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn.

- Vận hành hiệu quả hồ chứa nước, công trình kiểm soát, phân phối nguồn nước, công trình ngăn mặn, giữ ngọt, đồng thời chủ động tích trữ nước trong các hồ, ao, kênh, rạch, khu trũng thấp hiện có; áp dụng các mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, sử dụng hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí nguồn nước ngọt.

- Hỗ trợ thiết bị thu, trữ, xử lý nước quy mô hộ gia đình cho những nơi chưa có khả năng tiếp cận nguồn nước sạch tập trung; sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện vận chuyển nước cung cấp cho người dân khu vực bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi hạn hán, xâm nhập mặn để đảm bảo nhu cầu sinh hoạt.

- Tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại và chủ động huy động các nguồn lực (giống cây trồng, vật nuôi, kinh phí,...) hoặc báo cáo cấp thẩm quyền xem xét hỗ trợ để khắc phục hậu quả do hạn hán, xâm nhập mặn gây ra.

3. Các nhiệm vụ, chương trình, dự án phòng, chống thiên tai

a) Các biện pháp phi công trình

- Các nhiệm vụ liên quan đến rà soát, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách về phòng, chống thiên tai (tổng số 03 nhóm nhiệm vụ).

- Các nhiệm vụ liên quan đến nâng cao nhận thức về thiên tai, tăng cường quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (tổng số 05 nhóm nhiệm vụ).

- Các nhiệm vụ liên quan đến tăng cường công tác quản lý và nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai (tổng số 06 nhóm nhiệm vụ).

- Các nhiệm vụ liên quan đến nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai (tổng số 04 nhóm nhiệm vụ).

- Các nhiệm vụ điều tra cơ bản, quy hoạch và phương án ứng phó thiên tai (tổng số 11 nhóm nhiệm vụ).

- Các nhiệm vụ về khoa học công nghệ (tổng số 05 nhóm nhiệm vụ).

- Các nhiệm vụ về hợp tác quốc tế trong phòng, chống thiên tai (tổng số 04 nhóm nhiệm vụ).

(Các nhiệm vụ cụ thể như Phụ lục I kèm theo Quyết định này)

b) Các biện pháp công trình

- Nhóm các dự án về đê điều (tổng số 02 nhóm dự án).

- Nhóm các dự án về phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển (tổng số 02 nhóm dự án).

- Nhóm các dự án về thuỷ lợi (tổng số 05 nhóm dự án).

- Nhóm các dự án về công trình cảng cá, neo đậu tàu thuyền tránh trú bão (tổng số 02 nhóm dự án).

- Nhóm các dự án phòng, chống thiên tai hoặc kết hợp phòng, chống thiên tai khác (tổng số 03 nhóm dự án).

(Các dự án cụ thể như Phụ lục II kèm theo Quyết định này)

IV. NỘI DUNG PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CẦN LỒNG GHÉP VÀO QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH

1. Các nội dung liên quan đến đảm bảo không gian thoát lũ qua hệ thống đường bộ, đường sắt được lồng ghép vào quy hoạch mạng lưới đường bộ, quy hoạch mạng lưới đường sắt, quy hoạch tổng thể kết cấu hạ tầng đường thuỷ nội địa và kế hoạch phát triển của ngành xây dựng.

2. Các nội dung về bố trí dân cư, di dời những hộ dân sinh sống trong vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, ngập lụt; hệ thống cơ sở hạ tầng kết hợp làm nơi trú, tránh bão, lũ, ngập lụt cho người dân sơ tán (công sở, trường học, trạm xá, nhà văn hoá,...) được lồng ghép vào quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng, quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn, quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương; đồng thời được lồng ghép trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến năm 2035.

3. Các nội dung liên quan đến hệ thống đê, kiểm soát lũ, ngập lụt; hạn hán, xâm nhập mặn; xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước; phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển; phòng, chống lũ quét, sạt lở đất được lồng ghép vào quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai, quy hoạch lâm nghiệp, quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch tỉnh và kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và môi trường, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

4. Các nội dung liên quan đến quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai (kể cả hệ thống chuyên dùng) được lồng ghép vào quy hoạch mạng lưới khí tượng thuỷ văn và kế hoạch phát triển ngành khí tượng thuỷ văn, công thương, nông nghiệp và môi trường, xây dựng và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

5. Các nội dung liên quan đến truyền thông, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, giáo dục, đào tạo, nâng cao nhận thức, kỹ năng về phòng, chống thiên tai được lồng ghép vào kế hoạch phát triển các ngành giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; nông nghiệp và môi trường và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Các nội dung liên quan đến nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, hoạt động đổi mới sáng tạo trong quản lý, vận hành, khai thác, xây dựng công trình phòng, chống thiên tai được lồng ghép vào kế hoạch phát triển của ngành khoa học và công nghệ, kế hoạch phát triển của các ngành và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

7. Các nội dung liên quan đến hợp tác quốc tế được lồng ghép vào kế hoạch của các ngành ngoại giao, nông nghiệp và môi trường, quốc phòng.

8. Các nội dung liên quan đến xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật; tuyên truyền phổ biến pháp luật; một số nội dung về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai được lồng ghép trong kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

V. NGUỒN LỰC VÀ TIẾN ĐỘ HẰNG NĂM VÀ 05 NĂM ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

1. Nguồn lực thực hiện

a) Ngân sách nhà nước, bao gồm: vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Quỹ phòng, chống thiên tai; Quỹ phòng thủ dân sự.

c) Các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Tiến độ thực hiện: được sắp xếp phân bổ trong phạm vi vốn đầu tư phát triển; kinh phí sự nghiệp kinh tế và nguồn vốn hợp pháp khác bố trí cho các hoạt động phòng, chống thiên tai hằng năm.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch phòng, chống thiên tai theo chức năng, nhiệm vụ được giao; chủ động kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hoặc đột xuất (khi có yêu cầu) tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, kịp thời báo cáo và kiến nghị cấp có thẩm quyền các biện pháp cần thiết để xử lý những vấn đề phát sinh thuộc phạm vi quản lý, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo.

2. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia

a) Tham mưu huy động, điều phối lực lượng, phương tiện của các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố thiên tai.

b) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan chuẩn bị tốt lực lượng, phương tiện, vật tư theo phương châm "4 tại chỗ", sẵn sàng ứng phó, xử lý, khắc phục các tình huống thiên tai, sự cố và tìm kiếm cứu nạn, nhất là nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn trên biển.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế điều phối liên ngành về phòng thủ dân sự quốc gia, chia sẻ cơ sở dữ liệu và vận hành thống nhất chỉ huy ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương theo dõi, đôn đốc, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia.

b) Định kỳ rà soát, tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất kiến nghị các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện đồng bộ và hiệu quả.

4. Bộ Quốc phòng

a) Chỉ đạo, chỉ huy cơ quan, đơn vị trực thuộc tổ chức lực lượng, sẵn sàng phương tiện, trang thiết bị, vật tư chuyên dùng để ứng phó, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục hậu quả thiên tai.

b) Chỉ đạo các Quân khu, cơ quan quân sự địa phương các cấp tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo lĩnh vực được phân công.

5. Bộ Công an

a) Chỉ đạo lực lượng Công an nhân dân các cấp chủ động nắm chắc tình hình, nhất là các khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai để sẵn sàng phương án huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị thuộc quyền quản lý triển khai công tác đảm bảo an ninh trật tự, chủ động phối hợp với các lực lượng chức năng, chính quyền địa phương ứng phó thiên tai, hỗ trợ Nhân dân, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu.

b) Tăng cường lực lượng làm nhiệm vụ chốt chặn, phân luồng, đảm bảo trật tự an toàn giao thông trong các tình huống thiên tai; phối hợp với các lực lượng có liên quan tổ chức tuyên truyền, vận động, hỗ trợ di dời, sơ tán người dân đến nơi an toàn, đồng thời tăng cường các biện pháp nghiệp vụ, đảm bảo an ninh trật tự tại các khu vực sơ tán; có phương án bảo vệ an toàn tuyệt đối cho các trụ sở, mục tiêu quan trọng trên địa bàn xảy ra thiên tai; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

6. Bộ Tài chính

a) Chủ trì tổng hợp, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét quyết định bố trí nguồn vốn đầu tư thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước thực hiện các nội dung Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia phù hợp với các dự án về phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai được xác định trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

b) Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp cho các bộ, cơ quan trung ương thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch phù hợp với khả năng cân đối vốn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.

7. Bộ Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất công tác ứng phó thiên tai thuộc lĩnh vực quản lý, nhất là việc bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy điện, hệ thống điện, hoạt động sản xuất công nghiệp và khai thác khoáng sản trước, trong và sau mùa mưa bão; đôn đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch dự trữ hàng hóa thiết yếu, bảo đảm cung ứng kịp thời khi xảy ra thiên tai.

Phụ lục I

NHÓM NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN PHI CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 2129/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	**Rà soát, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách về phòng, chống thiên tai**			
1	Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 185/NQ-CP ngày 10/7/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các bộ liên quan	Các bộ; các địa phương	2026 - 2030
2	Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp với điều kiện tự nhiên; ứng dụng mô hình nông - thuỷ sản thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi giống, phương thức canh tác nuôi trồng thuỷ sản, cây trồng ít sử dụng nước, phù hợp với các vùng sinh thái, nâng cao hiệu quả sản xuất; bảo vệ, nâng cao chất lượng rừng ngập mặn, rừng phòng hộ đầu nguồn gắn với quản lý, khai thác tín chỉ các-bon và các nguồn lợi từ rừng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ; các địa phương	2026 - 2027
3	Xây dựng chính sách phù hợp để khuyến khích, thu hút các dự án đầu tư ngoài ngân sách, đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển; trồng, khôi phục rừng ngập mặn ven biển, rừng phòng hộ đầu nguồn; xây dựng, cải tạo hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất; khai thác hiệu quả các nguồn lực bổ sung như bán tín chỉ các-bon và các nguồn lực hợp pháp khác	Bộ Tài chính	Các bộ; các địa phương	2026 - 2030
II	**Nâng cao nhận thức về thiên tai, tăng cường quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng**			
1	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai và liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các địa phương	Các bộ; các cơ quan liên quan	2026 - 2030
2	Hướng dẫn, phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng, chống thiên tai; truyền thông, chia sẻ thông tin, dữ liệu, tổ chức các hoạt động nâng cao hiệu quả truyền thông trong phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan liên quan	2026 - 2030
3	Tiếp tục đưa kiến thức phòng, chống thiên tai vào chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa của một số cấp học, bậc học	Bộ Giáo dục và Đào tạo; các địa phương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan liên quan	2026 - 2030

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực tại cộng đồng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan liên quan	2026 - 2030
5	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, trong đó tập trung vào nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai, xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai ở từng cộng đồng cấp xã, thôn, bản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	Các bộ; các cơ quan liên quan	2026 - 2030
III	**Tăng cường công tác quản lý và nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai**			
1	Kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia; Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các bộ, tỉnh, thành phố, các xã, phường. Xây dựng cơ chế điều phối liên ngành về phòng thủ dân sự quốc gia, chia sẻ cơ sở dữ liệu và vận hành thống nhất chỉ huy ứng phó sự cố, thiên tai, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn	Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia; các bộ; các địa phương	Các bộ; các địa phương	2026 - 2030
2	Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia các hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; thu hút hình thành đội ngũ chuyên gia sâu	Bộ Giáo dục và Đào tạo; các địa phương	Các bộ; các cơ quan liên quan	2026 - 2030
3	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo phục vụ hoạt động của cơ quan tham mưu chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp	Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia; các bộ; các địa phương	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030
4	Cập nhật, bổ sung hiện đại hoá, cung cấp, chia sẻ hệ thống cơ sở dữ liệu về phòng, chống thiên tai đảm bảo liên thông, sử dụng hiệu quả giữa các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Công Thương; Bộ Xây dựng; các địa phương	Các bộ; các cơ quan liên quan	2026 - 2030
5	Tổ chức tập huấn, diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn nâng cao năng lực chỉ đạo, chỉ huy điều hành và sự phối hợp giữa các lực lượng phòng, chống thiên tai	Ban Chỉ đạo phòng thủ dân sự quốc gia; các bộ; các địa phương	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030
6	Xây dựng, điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa; Chiến lược tài nguyên nước; các đề án về phòng, chống ngập úng đô thị; phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt và các đề án liên quan đến phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Xây dựng	Các bộ; các địa phương	2026 - 2030
IV	**Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai**			
1	Xây dựng, rà soát phân vùng rủi ro thiên tai, lập bản đồ cảnh báo rủi ro thiên tai, nhất là bão mạnh, siêu bão, lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, xâm nhập mặn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; cơ quan liên quan	Các bộ; các địa phương liên quan	2026 - 2030

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Nâng cấp, bổ sung, hiện đại hóa trang thiết bị, công nghệ theo dõi, phân tích, dự báo, cảnh báo thiên tai thuộc hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia, hệ thống giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030
3	Tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại, trí tuệ nhân tạo trong công tác dự báo, cảnh báo thiên tai theo hướng chuyển từ dự báo hiện tượng sang dự báo tác động; phát triển công nghệ dự báo số, công nghệ dự báo định lượng mưa và công nghệ dự báo lũ phục vụ vận hành hồ chứa và phòng, chống lũ, ngập lụt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030
4	Phát triển, hiện đại hóa mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn; tăng cường năng lực hệ thống kiểm định phương tiện đo khí tượng thủy văn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương liên quan	2026 - 2030
V	**Điều tra cơ bản, quy hoạch và phương án ứng phó thiên tai**			
V.1	***Điều tra cơ bản***			
1	Điều tra cơ bản về lũ lớn, đặc biệt lớn; sạt lở và công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển; quan trắc, giám sát, đánh giá diễn biến lòng dẫn, bờ sông, bờ biển	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương liên quan	2026 - 2030
2	Khảo sát, đánh giá hiện trạng sạt lở, bồi lắng trong các hệ thống công trình thủy lợi; sông, suối biên giới; hiện trạng cấp, trữ nước sinh hoạt vùng nông thôn, miền núi	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương liên quan	2026 - 2030
3	Khảo sát, đánh giá tác động hạ thấp mực nước, xâm nhập mặn; biến động sử dụng nước; hiệu quả khai thác và sử dụng nguồn nước; quản lý, khai thác công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương liên quan	2026 - 2030
4	Điều tra hiện trạng đê bối trên các hệ thống sông ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; thực trạng và các yếu tố tác động gây sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các địa phương liên quan	2027 - 2030
V.2	***Rà soát, điều chỉnh quy hoạch***			
V.2.1	*Hoàn thành việc rà soát, bổ sung các nội dung về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lấn biển vùng đồng bằng sông Cửu Long vào hệ thống quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch của các địa phương để điều chỉnh phù hợp*			
1	Rà soát, bổ sung các nội dung về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lấn biển vùng đồng bằng sông Cửu Long vào các quy hoạch: tổng thể quốc gia; vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Tài chính	Các bộ; các địa phương	2026
2	Rà soát, bổ sung các nội dung về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lấn biển vùng đồng bằng sông Cửu Long vào các quy hoạch: không gian biển quốc gia; sử dụng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, các địa phương	2026

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	đất quốc gia; lâm nghiệp; mạng lưới trạm khí tượng thuỷ văn; tài nguyên nước, thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai; tổng hợp tài nguyên nước và hạ tầng thuỷ lợi lưu vực sông liên tỉnh; bảo tồn đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường; bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ			
3	Rà soát, bổ sung các nội dung về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lấn biển vùng đồng bằng sông Cửu Long vào quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn	Bộ Xây dựng	Các bộ, các địa phương	2026
4	Rà soát, bổ sung các nội dung về sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, lấn biển vùng đồng bằng sông Cửu Long vào các quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long	Các địa phương	Các bộ, các địa phương	2026
V.2.2	*Xây dựng, rà soát quy hoạch chi tiết ngành*			
1	Quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; hệ thống sông Đáy, sông Hoàng Long; hệ thống sông Mã, sông Cả; khu vực từ Quảng Trị đến Lâm Đồng; khu vực Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ; các địa phương liên quan	2027 - 2030
2	Quy hoạch tổng hợp và quy hoạch thủy lợi các lưu vực sông	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ; các địa phương liên quan	2026
V.3	***Phương án ứng phó thiên tai***			
1	Rà soát, cập nhật, bổ sung phương án ứng phó thiên tai tại các cấp, các ngành	Các bộ, các địa phương	Các cơ quan liên quan	2026 - 2030
VI	**Khoa học công nghệ**			
1	Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng Internet vạn vật (IoT), mạng LoRaWAN trong quan trắc, giám sát và dự báo về tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu và nông nghiệp thông minh	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương	2026 - 2030
2	Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo (AI), học máy (Machine learning), dữ liệu lớn (Big Data), internet vạn vật (IOT), chuỗi khối (Blockchain), viễn thám và thiết bị bay không người lái,... trong công tác phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Quốc phòng; các địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030
3	Nghiên cứu, sử dụng vật liệu tái chế, thân thiện với môi trường, thay thế cát lòng sông; xây dựng công trình kiểm soát mặn tại các cửa sông	Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ; các địa phương	2026 - 2030

TT	Nhiệm vụ/chương trình/đề án/dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Xây dựng, rà soát hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai.	Các bộ	Các địa phương	2026 - 2030
5	Nghiên cứu giống cây trồng, vật nuôi, thủy, hải sản, phương thức canh tác, nuôi trồng hiện đại, phù hợp với điều kiện tự nhiên, tiết kiệm nguồn nước và các vật tư đầu vào, nâng cao chất lượng, hiệu quả, giảm phát thải	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	Bộ Khoa học và Công nghệ	2026 - 2030
VII	**Hợp tác quốc tế**			
1	Tăng cường hợp tác với các quốc gia, các tổ chức quốc tế và đối tác phát triển trong việc chia sẻ thông tin, số liệu quan trắc khí tượng, thủy văn, tài nguyên nước, vận hành và thông tin về quy hoạch các công trình khai thác, sử dụng nước; thông tin, dữ liệu và kinh nghiệm trong cảnh báo, dự báo, phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	Các bộ	2026 - 2030
2	Thiết lập và tăng cường các cơ chế hợp tác, giải quyết mâu thuẫn, xung đột tài nguyên nước liên quốc gia; triển khai thực hiện đầy đủ, có trách nhiệm các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thỏa thuận quốc tế đã ký kết	Bộ Ngoại giao	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các bộ; các địa phương liên quan	2026 - 2030
3	Tham gia diễn tập ứng phó thiên tai, hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai với các nước trong khu vực; trao đổi thông tin, cơ sở dữ liệu, tập huấn, diễn tập, ứng phó thiên tai với các quốc gia trong khối ASEAN	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ; các địa phương	2026 - 2030
4	Phối hợp trong các hoạt động tìm kiếm cứu nạn	Bộ Quốc phòng	Các bộ; các địa phương	2026 - 2030

Phụ lục II

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 2129/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhóm dự án	Cơ quan thực hiện theo thẩm quyền	Thời gian thực hiện
I	**Hệ thống đê điều**		
1	Củng cố, nâng cấp hệ thống đê sông từ cấp III đến cấp đặc biệt	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030
2	Tu bổ, củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển và khu vực cửa sông	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030
II	**Công trình phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển**		
1	Xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ sông bảo vệ khu dân cư, cơ sở hạ tầng quan trọng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030
2	Xây dựng công trình phòng, chống sạt lở bờ biển bảo vệ khu dân cư, cơ sở hạ tầng quan trọng, rừng ngập mặn ven biển	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030
III	**Công trình thủy lợi**		
1	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hồ chứa	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030
2	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thuỷ lợi lớn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030
3	Xây dựng công trình kiểm soát mặn; cải tạo, nâng cấp kênh trục	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030
4	Xây dựng hệ thống công trình chống ngập úng, thích ứng biến đổi khí hậu các thành phố lớn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030
5	Nâng cao năng lực ứng phó thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030
IV	**Công trình cảng cá, neo đậu tàu thuyền tránh trú bão**		
1	Xây dựng, nâng cấp mở rộng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030
2	Xây dựng, nâng cấp mở rộng cảng cá kết hợp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030
V	**Các dự án phòng, chống thiên tai hoặc kết hợp phòng, chống thiên tai khác**		
1	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống trạm khí tượng thủy văn phục vụ công tác cảnh báo, dự báo thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030
2	Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát việc vận hành các hồ chứa thủy điện và hệ thống hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030
3	Phát triển rừng và hạ tầng lâm nghiệp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026 - 2030